|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂNTỈNH KON TUMSố: 86 /BC-UBND | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc*Kon Tum, ngày 30 tháng 3 năm 2021* |

**BÁO CÁO**

**Tổng kết công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh**

**nhiệm kỳ 2016 - 2021**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Giai đoạn 2016 - 2020, trong bối cảnh khu vực và thế giới có những yếu tố diễn biến phức tạp, thuận lợi và khó khăn có sự đan xen lẫn nhau đã tác động không nhỏ đến phát triển kinh tế, xã hội trong nước nói chung và tỉnh Kon Tum nói riêng như: Kinh tế thế giới phục hồi và phát triển; liên kết và tự do hoá thương mại vẫn là xu thế chủ đạo nhưng đan xen yếu tố bảo hộ; căng thẳng thương mại giữa một số nền kinh tế lớn; chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa bảo hộ trỗi dậy; biến động chính trị và xung đột xảy ra nhiều nơi; diễn biến căng thẳng ở Biển Đông đe doạ hoà bình, ổn định ở khu vực. Đặc biệt, vào năm cuối giai đoạn kế hoạch 5 năm 2016 - 2020, đại dịch Covid-19 đã xảy ra trên toàn cầu và làm ảnh hưởng rất nghiêm trọng, kinh tế thế giới rơi vào tình trạng suy thoái.

Trong nước, sau 5 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020, kinh tế vĩ mô dần ổn định, tích luỹ thêm nhiều kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành phát triển kinh tế - xã hội, niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và xã hội tăng lên. Tuy nhiên, những khó khăn, hạn chế của nền kinh tế đã ảnh hưởng không nhỏ tới phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường. Ảnh hưởng từ bên ngoài gia tăng, cạnh tranh ngày càng gay gắt, trong khi độ mở của nền kinh tế cao, sức chống chịu còn hạn chế; tác động của biến đổi khí hậu ngày càng mạnh, các loại dịch bệnh xảy ra, đặc biệt là đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng rất lớn đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội, đời sống nhân dân và kết quả mục tiêu kế hoạch 5 năm.

Đối với tỉnh Kon Tum, là một tỉnh miền núi, biên giới, đồng bào dân tộc thiểu số chiếm trên 53% dân số, địa hình rộng, chia cắt, dân cư phân tán; hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn nhiều yếu kém, chưa đồng bộ; quy mô kinh tế còn nhỏ, sức cạnh tranh của doanh nghiệp và sản phẩm trên địa bàn tỉnh còn yếu. Giá một số mặt hàng nông sản chủ lực của tỉnh không ổn định. Chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh còn thấp, năng suất lao động chưa cao. Lũ lụt, lũ quét, hạn hán, gây thiệt hại nặng nề đến đời sống dân cư, hạ tầng cơ sở. Dịch bệnh trên người và cây trồng, vật nuôi thường xuyên xảy ra, ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống của Nhân dân và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

Trong bối cảnh đó, với tinh thần trách nhiệm cao của các cấp, các ngành và sự chung sức, đồng lòng, nỗ lực vượt bậc, quyết liệt, kịp thời của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và cộng đồng doanh nghiệp, nhất là trong năm 2020 vừa tập trung phòng, chống dịch bệnh và khắc phục hậu quả của thiên tai, vừa duy trì, phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh Kon Tum đã vượt qua khó khăn, thách thức, thực hiện đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 2016 - 2020.

**I. PHƯƠNG CHÂM, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**

Thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành chương trình triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước 5 năm giai đoạn 2016-2020 và hằng năm với phương châm, quan điểm chỉ đạo điều hành là: Huy động tối đa mọi nguồn lực, phát huy sức mạnh tổng hợp để xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, tạo sự chuyển biến tích cực trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động. Phát triển nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa gắn với xây dựng nông thôn mới; tập trung phát triển công nghiệp; mở rộng và đa dạng hóa các loại hình dịch vụ; đẩy mạnh phát triển du lịch. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống. Phát triển và đẩy mạnh xã hội hóa lĩnh vực văn hóa - xã hội; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, tạo việc làm và đảm bảo an sinh xã hội cho nhân dân. Gắn phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

Ngoài ra, trước tác động của dịch Covid-19, cùng với cả nước, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung triển khai thực hiện nghiêm túc “nhiệm vụ kép” theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, đó là: vừa chủ động triển khai đồng bộ, quyết liệt các biện pháp phòng chống dịch *(đến nay trên địa bàn chưa phát sinh trường hợp lây nhiễm trong cộng đồng)*, vừa chủ động tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; tập trung phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh. Qua đó, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn duy trì phát triển và đạt được nhiều kết quả tích cực.

**II. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

**1. Về hoạch định chính sách, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất; tổ chức thi hành pháp luật**

***a) Về hoạch định chính sách, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật***

Xác định xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, cải cách hành chính và tăng cường năng lực thi hành pháp luật ở địa là nhiệm vụ trọng tâm, ưu tiên hàng đầu trong công tác lãnh đạo, điều hành và là một trong những giải pháp quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, thời gian qua Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản chỉ đạo, điều hành; tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc việc thi hành và xử lý văn bản, quy định trái pháp luật. Gắn công tác hoạch định chính sách, xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật với công tác cải cách hành chính, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, cải thiện, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, theo dõi thi hành pháp luật, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng, kiểm tra văn bản; xây dựng hệ thống văn bản thống nhất, đồng bộ, hợp hiến, hợp pháp, minh bạch, khả thi([[1]](#footnote-1)).

Trong nhiệm kỳ 2016-2021, Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua 250 Nghị quyết *(nhiệm kỳ 2011-2016, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành 181 Nghị quyết([[2]](#footnote-2)))*; Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 205 Quyết định([[3]](#footnote-3)) *(nhiệm kỳ 2011-2016, Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh ban hành 315 văn bản gồm 305 Quyết định và 10 Chỉ thị)***.** Các văn bản pháp luật được ban hành đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước tại địa phương, cơ bản bảo đảm tính thống nhất, tính khả thi và đồng bộ. Việc soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định.

***b) Công tác theo dõi thi hành pháp luật:*** Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tư pháp về đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật([[4]](#footnote-4)); chỉ đạo quyết liệt việc triển khai thi hành pháp luật đối với các cấp, các ngành. Thực hiện kiểm tra theo dõi thi hành pháp luật chuyên đề đối với lĩnh vực lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo vệ môi trường…([[5]](#footnote-5)). Đồng thời thực hiện tốt công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành. Thông qua đó đã kịp thời sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ những văn bản chưa phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

***c) Về thực hiện nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh; việc xây dựng, thực hiện chương trình công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh***

Từ đầu nhiệm kỳ, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quy chế làm việc([[6]](#footnote-6)) để quy định về nguyên tắc, chế độ trách nhiệm, lề lối làm việc, trình tự giải quyết công việc, quan hệ công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời, phân công rõ thẩm quyền quản lý, nhiệm vụ của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, thành viên Ủy ban nhân dân và các cơ quan trực thuộc cũng như công tác phối hợp giữa Ủy ban nhân dân với các ngành, đoàn thể,... nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân thuận tiện trong việc quan hệ công tác với Ủy ban nhân dân tỉnh. Trong công tác lãnh đạo, điều hành, Ủy ban nhân dân tỉnh bám sát vào quy chế, thực hiện đúng quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019 và các văn bản hướng dẫn của Trung ương, đồng thời linh hoạt, vận dụng sáng tạo các quy định của Trung ương, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy vai trò của tập thể và đề cao trách nhiệm của cá nhân Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh để lãnh đạo, điều hành phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo an ninh, quốc phòng trên địa bàn.

Tập thể lãnh đạo Uỷ ban nhân dân tỉnh đã bám sát các nhiệm vụ trọng tâm, đổi mới một bước công tác chỉ đạo, điều hành; triển khai quyết liệt, đồng bộ, có hiệu quả các lĩnh vực công tác. Đồng chí Chủ tịch, các đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các Uỷ viên Uỷ ban đã tích cực, chủ động, chỉ đạo các sở, ngành, đơn vị bám sát nhiệm vụ. Đối với các đề án lớn có liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực, Uỷ ban nhân dân tỉnh đã phân công một đồng chí thành viên Ủy viên Ủy ban nhân dân chịu trách nhiệm chỉ đạo, các đồng chí thành viên khác có trách nhiệm phối hợp, đảm bảo nguyên tắc tập thể lãnh đạo và phát huy được trách nhiệm cá nhân.

Xây dựng, ban hành kịp thời các chương trình, kế hoạch, thể hiện rõ từng nội dung công việc, thời gian triển khai, thời gian hoàn thành, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp; Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương tham mưu, triển khai thực hiện chương trình công tác có hệ thống, bài bản, bám sát nội dung, chương trình đã được đề ra, do đó công việc chỉ đạo, điều hành của ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được thông suốt, phát huy được hiệu lực, hiệu quả.

**2. Về quản lý và phát triển kinh tế - xã hội**

***a) Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành tập trung kiểm soát lạm phát, kinh tế tiếp tục đà tăng trưởng khá, bảo đảm phát triển bền vững***

- Đã tập trung điều hành thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách lớn về phát triển của Trung ương trong nhiệm kỳ, góp phần cùng với cả nước bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, đảm bảo an sinh xã hội, đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế. Thực hiện đồng bộ các đột phá chiến lược, phục hồi đà tăng trưởng; nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) của tỉnh hằng năm khá cao, bình quân giai đoạn 2016-2020 khoảng 9,13%/năm([[7]](#footnote-7)), đạt mục tiêu nghị quyết đề ra. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo đúng định hướng, trong đó Tỷ trọng các ngành Công nghiệp - xây dựng tăng từ 23,19% năm 2015 lên 27,58% năm 2020; Dịch vụ tăng từ 39,08% năm 2015 lên 42,83% năm 2020; tỷ trọng ngành nông nghiệp giảm từ 30,17% năm 2015 xuống còn 22,63% năm 2020. GRDP bình quân đầu người tăng từ 32,14 triệu đồng năm 2016 lên 46,58 triệu đồng năm 2020. Thu ngân sách nhà nước năm 2020 đạt trên 3.000 tỷ đồng, bình quân giai đoạn 2016-2020, tăng 8,07%/năm.

- Việc thực hiện quy trình xây dựng Kế hoạch đầu tư công hằng năm đảm bảo tuân thủ theo quy định. Trong đó, vốn đầu tư công tập trung bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm, các dự án có sức lan tỏa rộng và tác động lớn tới phát triển kinh tế([[8]](#footnote-8)); các dự án hạ tầng xã hội phục vụ cộng đồng dân sinh thuộc ngành y tế, giáo dục... Công tác giám sát đánh giá đầu tư được thực hiện thường xuyên, nhờ đó, nhiều công trình, dự án đầu tư được thực hiện đúng tiến độ, phát huy hiệu quả, đảm bảo chất lượng, đúng mục tiêu, định hướng và phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực.

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng dần qua từng năm([[9]](#footnote-9)), bình quân tăng 8,07%/năm, bằng 11,61% GRDP, đảm bảo 38,25% tổng chi ngân sách và 56,62% chi thường xuyên([[10]](#footnote-10)); trong đó: tỷ trọng thu nội địa ngày một tăng, năm 2020 đạt khoảng 91,8% *(năm 2017 là 86,5%; năm 2018 là 90,11%; năm 2019 là 91,99%)*. Tổng chi ngân sách nhà nước bình quân hàng năm 6.674 tỷ đồng, tăng 9,10%/năm([[11]](#footnote-11)), đảm bảo chi cho khoa học, công nghệ, giáo dục và đào tạo theo quy định. Chi thường xuyên bình quân 4.552 tỷ đông/năm, tăng 7,07%/năm; chi đầu tư phát triển bình quân 2.104 tỷ đồng/năm, tăng 12,94%/năm.

- Công tác thu hồi nợ đọng thuế được thực hiện tích cực, nợ có khả năng thu giảm mạnh qua các năm([[12]](#footnote-12)). Công các xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản được Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo quyết liệt và đạt kết quả tốt. Tổng số nợ đọng xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 418.878 triệu đồng, trong đó nợ từ các dự án do cấp tỉnh quản lý là 179.610 triệu đồng và nợ từ các dự án do cấp huyện quản lý là 239.268 triệu đồng. Tính đến hết kế hoạch năm 2020, tổng số nợ đọng xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh còn lại khoảng 8.884 triệu đồng, dự kiến sẽ hoàn thành trong năm 2021 *(nợ trước ngày 01 tháng 01 năm 2015)*.

- Công tác cổ phần hóa, tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước thực hiện theo đúng lộ trình. Đến nay, sau thời gian chuyển đổi, sắp xếp, toàn tỉnh còn 08 doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ; 02 công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ([[13]](#footnote-13)) và 02 công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ([[14]](#footnote-14)). Những doanh nghiệp Nhà nước đang hoạt động tập trung vào các ngành, lĩnh vực sản xuất, cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích; trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng; xổ số kiến thiết. Nhìn chung, doanh nghiệp sau khi chuyển đổi, hoạt động sản xuất, kinh doanh được duy trì ổn định. Tỉnh đã tập trung đổi mới tổ chức, quản lý và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và tích cực tiến hành chuyển một số đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần([[15]](#footnote-15)).

- Tích cực triển khai thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ, xây dựng chương trình hành động nhằm cụ thể hóa những nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư khi đến đầu tư tại Kon Tum([[16]](#footnote-16)). Tình hình thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả khả quan, nhiều nhà đầu tư lớn tiếp tục tìm hiểu cơ hội đầu tư và thực hiện đầu tư tại tỉnh([[17]](#footnote-17)). Trong giai đoạn 2016-2020, đã thu hút được 236 dự án đầu tư với tổng vốn đăng ký hơn 24.062 tỷ đồng, trong đó, đã có một số nhà đầu tư, tập đoàn kinh tế lớn, có tiềm lực về tài chính, công nghệ, kinh nghiệm đến tìm hiểu và đầu tư tại tỉnh, như: Tập đoàn Vingroup, Công ty cổ phần Tập đoàn TH, Công ty cổ phần Tập đoàn FLC,... đây sẽ là động lực phát triển của tỉnh trong thời gian tới. Công tác thu hút đầu tư nước ngoài cũng được Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm, đẩy mạnh. Trên địa bàn tỉnh hiện có 09 dự án FDI còn hiệu lực với tổng mức vốn đăng ký trên 1.667 tỷ đồng tập trung tại các lĩnh vực nông lâm nghiệp, công nghiệp và văn hóa, văn nghệ. Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chủ động tích cực trong việc tiếp xúc, vận động các khoản viện trợ nước ngoài theo định hướng ưu tiên của tỉnh; từng bước tiếp cận với đối tác mới; xúc tiến, kết nối lại viện trợ với đối tác cũ([[18]](#footnote-18)).

- Nông nghiệp ngày càng phát triển theo chiều sâu. Việc dồn đổi, tích tụ đất nông nghiệp ở những nơi có điều kiện để xây dựng cánh đồng lớn được đẩy mạnh([[19]](#footnote-19)), phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ được chú trọng triển khai, một số sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao đáp ứng được tiêu chuẩn xuất khẩu([[20]](#footnote-20)). Đã thành lập và đưa vào hoạt động Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại huyện Kon Plông; đang hoàn thiện thủ tục để đầu tư xây dựng Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao huyện Đăk Hà([[21]](#footnote-21)), Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại thành phố Kon Tum([[22]](#footnote-22)); hình thành 02 vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và công nhận 02 doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại huyện Kon Plông và huyện Đăk Hà. Chương trình mỗi xã một sản phẩm đã được triển khai tích cực([[23]](#footnote-23)). Diện tích cây cao su, cà phê đều đạt và vượt mục tiêu đề ra([[24]](#footnote-24)).

- Công tác bảo vệ và phát triển rừng được chú trọng phát triển theo hướng bền vững, việc cho thuê rừng để kinh doanh, giao đất rừng cho người dân quản lý bảo vệ, kinh doanh dưới tán rừng, trồng rừng nhằm phát triển kinh tế và tăng thu nhập tiếp tục được triển khai thực hiện([[25]](#footnote-25)); So với giai đoạn trước, số vụ vi phạm quy định về bảo vệ và phát triển rừng giảm 2.174 vụ([[26]](#footnote-26)). Việc phát triển rừng có nhiều chuyển biến đáng kể, diện tích rừng trồng ngày càng tăng, góp phần duy trì và nâng độ che phủ rừng của tỉnh lên 63% *(tăng 0,6% so với năm 2015).*

- Công tác xây dựng nông thôn mới được chỉ đạo thực hiện quyết liệt và đạt kết quả tích cực, đến nay, toàn tỉnh có 28 xã được công nhận xã nông thôn mới([[27]](#footnote-27)), tăng 19 xã so với năm 2015; 05 xã đạt từ 15 đến 18 tiêu chí, 50 xã đạt từ 10-14 tiêu chí và 02 xã đạt từ 8 đến 9 tiêu chí, không còn xã đạt dưới 5 tiêu chí *(giảm 41 xã so với năm 2016)*; số tiêu chí nông thôn mới đạt chuẩn/xã là 14,15 tiêu chí, tăng 5,15 tiêu chí so với năm 2015. Cơ sở hạ tầng thiết yếu khu vực nông thôn ngày càng được hoàn thiện, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế và giảm nghèo bền vững, nâng cao cơ hội tiếp cận các dịch vụ xã hội đối với khu vực nông thôn, giải quyết việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

- Về huy động, sử dụng hiệu quả nguồn lực cho đầu tư phát triển, thúc đẩy đầu tư xã hội, đẩy mạnh xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ tiếp tục đạt được những kết quả quan trọng. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2016-2020 là 62.329 tỷ đồng, trong đó, khu vực nhà nước chiếm khoảng 37,55%, khu vực ngoài nhà nước chiếm khoảng 62,26%, khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm khoảng 0,18%([[28]](#footnote-28)). Từ nguồn vốn trên, các dự án trọng điểm của tỉnh được đẩy mạnh thực hiện, nhất là hạ tầng giao thông; trong đó đã đầu tư hoàn chỉnh tuyến đường Hồ Chí Minh đoạn qua tỉnh Kon Tum; đầu tư cải tạo, nâng cấp, sửa chữa một số tuyến và đoạn tuyến có nguy cơ mất an toàn cao như đèo Lò Xo, đèo Văn Rơi, đèo Măng Đen, Quốc lộ 24, 14C, 40B; triển khai xây dựng tuyến tránh đường Hồ Chí Minh đoạn qua thành phố Kon Tum và đường giao thông kết nối đường Hồ Chí Minh đi Quốc lộ 24... Các tuyến giao thông nội tỉnh được đầu tư, nâng cấp; nhiều công trình, cụm công trình thủy lợi được đầu tư, nâng cấp, sửa chữa, phục vụ tốt nhu cầu nước sinh hoạt và sản xuất của Nhân dân như hồ chứa nước Đăk Pokei([[29]](#footnote-29)); hồ chứa nước Đăk Rơn Ga, cụm công trình thủy lợi Ia H’Drai.... Kết cấu hạ tầng đô thị được chỉnh trang, đầu tư nâng cấp, mở rộng, gắn với xây dựng các khu đô thị mới, diện mạo đô thị có nhiều khởi sắc. Thành phố Kon Tum ngày càng khang trang hơn. Hiện đã hoàn thành Dự án Tổ hợp Trung tâm thương mại kết hợp nhà ở thương mại với tổng mức đầu tư 299 tỷ đồng; đang triển khai Khu đô thị Bắc Duy Tân, Khu dân cư Hoàng Thành, Tổ hợp thương mại dịch vụ vui chơi giải trí và nhà phố…. Hạ tầng lưới điện, thông tin, truyền thông, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, văn hóa, thể thao, du lịch tiếp tục được đầu tư. Năm 2020, có 99,8% hộ gia đình sử dụng điện; 100% thôn có điện; trên 90% hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

***b) Tích cực triển khai và đạt được những kết quả trong việc thực hiện các Nghị quyết của Trung ương về phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam và các Nghị quyết về chính sách xã hội, thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công; bảo đảm an sinh xã hội; giải quyết việc làm; giảm nghèo đa chiều, bền vững, cụ thể:***

*- Giáo dục và đào tạo*: Quy mô và mạng lưới trường, lớp các cấp học phát triển đều khắp trên địa bàn tỉnh, các loại hình trường tiếp tục được hoàn thiện. Công tác sắp xếp lại hệ thống các cơ sở giáo dục công lập được thực hiện đúng lộ trình, đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng học tập của người dân, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động dạy và học([[30]](#footnote-30)). Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên các cấp học tiếp tục được củng cố, kiện toàn([[31]](#footnote-31)). Chất lượng giáo dục ngày càng nâng cao; khoảng cách chênh lệch về chất lượng giáo dục giữa các vùng khó khăn và thuận lợi dần được thu hẹp. Công tác xã hội hóa giáo dục được đẩy mạnh thực hiện, thu hút sự quan tâm, tham gia của toàn xã hội. Tỷ lệ huy động học sinh các cấp trong độ tuổi hàng năm tăng (Nhà trẻ (0-2 tuổi): 14,8% - 17,0%; Mẫu giáo (3-5 tuổi): 88,8% - 91,5%; Tiểu học: 99,7% - 99,9%; Trung học cơ sở: 91,3% - 97,0%; Trung học phổ thông: 52,8%-64,0%. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia các cấp đạt và vượt so với chỉ tiêu Kế hoạch đến năm 2020([[32]](#footnote-32)).

*- Dân số và y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân*: Triển khai thực hiện hiệu quả các chương trình, chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình…; Mạng lưới y tế dự phòng được tổ chức, sắp xếp lại theo hướng tinh gọn, đáp ứng được yêu cầu phòng chống dịch bệnh([[33]](#footnote-33)); Cơ sở vật chất của các cơ sở khám chữa bệnh, nhất là các bệnh viện đã được đầu tư và mở rộng, quy mô, năng lực cung ứng dịch vụ y tế của hệ thống y tế được nâng lên([[34]](#footnote-34)). Chất lượng khám chữa bệnh ngày càng được cải thiện([[35]](#footnote-35)). Công tác phòng chống dịch bệnh được triển khai quyết liệt, đặc biệt là phòng chống dịch bệnh Covid-19, bạch hầu và sốt xuất huyết([[36]](#footnote-36)).

*- Văn hóa - Thể thao và Du lịch:* luôn được chú trọng. Các hoạt động thông tin tuyên truyền, cổ động trực quan được tăng cường, đáp ứng tốt nhiệm vụ chính trị, kỷ niệm các ngày lễ lớn của địa phương và cả nước. Công tác tuyên truyền các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các nhiệm vụ trọng tâm và những vấn đề bức xúc của xã hội được thực hiện thường xuyên, góp phần giáo dục tư tưởng, nâng cao dân trí trong mọi tầng lớp nhân dân. Công tác bảo tồn, khôi phục, tôn tạo và phát huy các giá trị di sản văn hóa truyền thống được quan tâm đúng mức([[37]](#footnote-37))*.* Công tác bảo tồn, phát huy di sản văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch ngày càng được quan tâm đầu tư trên nhiều lĩnh vực([[38]](#footnote-38)). Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa được đẩy mạnh([[39]](#footnote-39)). Tỷ lệ thôn, làng, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa (Khu dân cư) vượt chỉ tiêu so với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra(*[[40]](#footnote-40)*). Phong trào rèn luyện thể dục thể thao quần chúng được duy trì, nhiều môn thể thao được bảo tồn và phát triển([[41]](#footnote-41)). Thể thao thành tích cao có tiến bộ([[42]](#footnote-42)). Đội ngũ cán bộ, huấn luyện viên, vận động viên từng bước kiện toàn và nâng cao trình độ...([[43]](#footnote-43)) Công tác xã hội hóa trong lĩnh vực thể dục thể thao đạt được những kết quả tích cực([[44]](#footnote-44)). Thực hiện đầu tư các công trình trọng điểm về du lịch và hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch([[45]](#footnote-45)); đầu tư cơ sở hạ tầng phát triển du lịch tại khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Bờ Y, huyện Ngọc Hồivà tại các vùng kinh tế động lực(*Ngọc Hồi, Kon Plông, thành phố Kon Tum*). Phát triển các sảm phẩm du lịch: du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa-tâm linh, du lịch văn hóa-lịch sử cách mạng. Đã công nhận 04 làng du lịch và 06 điểm du lịch trên địa bàn tỉnh([[46]](#footnote-46)). Từ năm 2016 đến năm 2020 thu hút được 719.727 lượt khách quốc tế và 1.288.634 lượt khách nội địa.

*- Thông tin và truyền thông:* Chú trọng hoàn thiện chính sách pháp luật về quản lý thông tin, báo chí; phát huy vai trò của hệ thống báo chí, xuất bản trong việc tuyên truyền, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, đáp ứng nhu cầu thông tin và phản ánh ý kiến, nguyện vọng của nhân dân; triển khai có hiệu quả công tác tuyên truyền, thông tin đối ngoại; thực hiện quy chế người phát ngôn; chủ động đấu tranh với những thông tin sai trái; xây dựng và triển khai Quy hoạch phát triển ngành xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030([[47]](#footnote-47))…

Chỉ đạo đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước tỉnh Kon Tum giai đoạn 2016-2020([[48]](#footnote-48)); Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025 theo Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh([[49]](#footnote-49)) bước đầu đem lại hiệu quả tích cực, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành của cơ quan nhà nước trên địa bànphục vụ người dân và doanh nghiệp([[50]](#footnote-50)). Công tác đảm bảo thông tin liên lạc, an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh được thực hiện tốt([[51]](#footnote-51)).

*- Giải quyết tốt các vấn đề xã hội,* nhất là công tác đền ơn, đáp nghĩa, chăm lo thiết thực đến các gia đình chính sách, thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sỹ …([[52]](#footnote-52))*;* công tác giảm nghèo đạt nhiều kết quả([[53]](#footnote-53)). Bình quân tỷ lệ hộ nghèo giảm 3,83%/năm *(từ 26,11% vào cuối năm 2015 xuống còn 10,29% vào cuối năm 2020)*, đạt 109% so với mục tiêu Đề án giảm nghèo theo phương pháp tiếp cận nghèo đa chiều tỉnh Kon Tum giai đoạn 2016-2020. Triển khai thực hiện kịp thời các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19([[54]](#footnote-54)). Hạ tầng kinh tế -xã hội khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn tiếp tục được hoàn thiện, tạo điều kiện để người nghèo tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản([[55]](#footnote-55)), nâng cao dân trí, tạo việc làm và nâng cao chất lượng nguồn lao động.

*- Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ* có nhiều tiến bộ, tác động hiệu quả vào sản xuất, đời sống, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh. Các chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có sự chuyển biến mạnh mẽ về nội dung, tập trung vào các lĩnh vực mũi nhọn và giải quyết tốt các vấn đề bức xúc của tỉnh. Việc ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm hàng hóa của các doanh nghiệp ngày càng phổ biến([[56]](#footnote-56)). Các doanh nghiệp, hợp tác xã và các hộ dân đã tiếp cận, triển khai đầu tư hệ thống thiết bị, công nghệ vào phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản và chế biến các nông sản([[57]](#footnote-57)); ứng dụng công nghệ sinh học trong chăm sóc cây trồng, vật nuôi([[58]](#footnote-58)) nhằm nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm.

*- Công tác dân tộc, tôn giáo:* Nhiều chính sách dân tộc nói chung và các chính sách, chương trình của Đảng và Nhà nước dành riêng cho vùng Tây Nguyên, của Chính phủ giao cho các Bộ, ngành quản lý theo từng lĩnh vực đã được triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh, góp phần cải thiện đời sống vật chất, tinh thần và giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số, từng bước thay đổi diện mạo nông thôn miền núi. Công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về tôn giáo cho cán bộ, đảng viên, chức sắc, tín đồ luôn được quan tâm thực hiện thường xuyên([[59]](#footnote-59)). Quan tâm, tạo điều kiện hướng dẫn các tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ các tôn giáo tổ chức lễ trang trọng, an toàn, tiết kiệm, tuân thủ quy định của pháp luật và hiến chương, điều lệ của giáo hội; tổ chức thăm hỏi, động viên và tặng quà cho các cơ sở, chức sắc tôn giáo trên địa bàn tỉnh nhân dịp lễ trọng của các tôn giáo.

**3. Về tăng cường quản lý hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai**

Công tác bảo vệ môi trường được chú trọng. Các cơ sở sản xuất sử dụng công nghệ sạch hoặc có thiết bị xử lý ô nhiễm môi trường ngày càng tăng. Việc xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường được quan tâm thực hiện([[60]](#footnote-60)). Công tác tổ chức vận động, tuyên truyền về bảo vệ môi trường, các hoạt động hưởng ứng bảo vệ môi trường được thực hiện thường xuyên, nhận thức về bảo vệ môi trường của người dân được nâng lên.

Công tác khắc phục hậu quả thiên tai được quan tâm chỉ đạo. Việc kiểm soát mức độ gia tăng về ô nhiễm môi trường và suy giảm đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu và công tác quản lý, sử dụng các nguồn tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường ngày càng hiệu quả.

**4. Về cải cách hành chính; xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số**

Công tác cải cách hành chính có chuyển biến tích cực; cơ chế một cửa - một cửa liên thông hoạt động hiệu quả; đã thành lập và đưa vào hoạt động Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh với 1.357 thủ tục được giải quyết tại Trung tâm, đạt tỷ lệ 95% trên tổng số thủ tục hành chính cấp tỉnh; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả một cửa cấp huyện, cấp xã tiếp tục được hoàn thiện, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp. Triển khai xây dựng, thực hiện Hệ thống thông tin điện tử và cổng dịch vụ công 3 cấp tỉnh, huyện, xã([[61]](#footnote-61)). Qua đó, môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh ngày càng thuận lợi và thông thoáng; năng lực cạnh tranh cấp tỉnh từng bước được cải thiện([[62]](#footnote-62))..

Tích cực chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số([[63]](#footnote-63)). Đến nay hệ thống họp hội nghị truyền hình trực tuyến được kết nối từ Trung ương đến huyện, một số đơn vị triển khai đến xã([[64]](#footnote-64)). 100% sở, ngành, địa phương đã kết nối, liên thông gửi, nhận văn bản điện tử với Trục liên thông văn bản quốc gia, tỷ lệ trao đổi văn bản dưới dạng điện tử trên địa bàn tỉnh, đạt 100% (trừ văn bản mật). Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 tăng khoảng 3 lần, từ dưới 8% năm 2019, lên 24,3% vào tháng 12/2020. Kết quả cung cấp, tích hợp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia của tỉnh Kon Tum trong năm 2020 đạt tỷ lệ 51,8% vượt chỉ tiêu 30% Chính phủ giao. Hoàn thành việc triển khai sử dụng biên lai điện tửtrong việc thu phí, lệ phí giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Kon Tum.Trung tâm điều hành thông minh tỉnh Kon Tum (IOC) được thực hiện thí điểm với 06 hợp phần([[65]](#footnote-65)).

**5. Về kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả**

Công tác xây dựng, củng cố hệ thống chính quyền cơ sở được quan tâm triển khai. Hệ thống tổ chức một số cơ quan, đơn vị từng bước được sắp xếp tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả([[66]](#footnote-66)), cơ bản khắc phục tình trạng chồng chéo hoặc bỏ trống chức năng quản lý nhà nước, đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất giữa chức năng, nhiệm vụ và tổ chức, bộ máy của các cơ quan hành chính nhà nước. Cơ cấu tổ chức quản lý, hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập được sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động([[67]](#footnote-67)). Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cơ bản đáp ứng yêu cầu. Cán bộ có trình độ cao ngày một tăng. Đội ngũ cán bộ, công chức từng bước được trẻ hoá, đảm bảo tính kế thừa. Công tác quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ các cấp được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo quy trình, nguyên tắc tập trung dân chủ và đảm bảo yêu cầu của quá trình đổi mới. Công tác đào tạo, bồi dưỡng được quan tâm, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức của tỉnh chuyên nghiệp, vững vàng về chính trị, có đủ năng lực để xây dựng nền hành chính tiên tiến, hiện đại. Việc luân chuyển cán bộ giữa các cấp, các ngành trong tỉnh đã phát huy tác dụng tốt. Nhiều cán bộ sau khi luân chuyển có bước trưởng thành về nhiều mặt. Công tác tinh giản biên chế được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định([[68]](#footnote-68)).

**6. Về thanh tra, kiểm tra, tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, lãng phí**

Công tác phòng, chống tham nhũng được thực hiện quyết liệt. Các nội dung về phòng, chống tham nhũng được thực hiện theo đúng chương trình, kế hoạch đề ra. Một số biện pháp phòng, chống tham nhũng, chống lãng phí tiếp tục được thực hiện thường xuyên và từng bước phát huy tác dụng([[69]](#footnote-69)). Công tác đấu tranh chống các hành vi tham nhũng bước đầu đã có kết quả, được quần chúng nhân dân ghi nhận, tin tưởng và đồng tình ủng hộ. Công tác thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất nhằm kịp thời phát hiện và xử lý đối với những hành vi vi phạm trong các lĩnh vực tiếp tục được chú trọng([[70]](#footnote-70)). Đã kịp thời đôn đốc các tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và tăng cường hiệu lực thi hành các kết luận, kiến nghị sau thanh, kiểm tra.

Tổ chức bộ máy làm công tác tiếp công dân được chú trọng kiện toàn, thành lập Ban Tiếp công dân tại các đơn vị; thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác tiếp công dân thường xuyên, định kỳ, nhất là tiếp công dân định kỳ của lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh. Từ năm 2016 đến năm 2020, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đã tiếp 2.758 lượt/3.104 người đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, trong đó: Trụ sở Tiếp dân tỉnh tiếp 858 lượt/901 người*;* Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tiếp 949 lượt/1.245 người*;* các sở, ban, ngành tiếp 273 lượt/275 người*;* các xã, phường tiếp 678 lượt/683 người. Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh tiếp nhận 5.651 đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân. Đơn khiếu nại 611 đơn, đơn tố cáo 478 đơn, đơn kiến nghị, phản ánh 4.562 đơn. Đất đai 2.627 đơn;chế độ, chính sách 170 đơn; bồi thường tái định cư 556 đơn; vi phạm pháp luật 216 đơn; tham nhũng 14 đơn; lĩnh vực khác 2.068 đơn. Trong đó có 2.513/5.651 đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan chức năng và đơn nặc danh, mạo danh, chiếm tỷ lệ 44,47% tổng số đơn nhận được, gồm: 402 đơn khiếu nại, 368 đơn tố cáo và 1.743 đơn kiến nghị, phản ánh. Số đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị thuộc thẩm quyền phải xem xét, giải quyết của các cấp, các ngành là 3.138/5.651 đơn, chiếm tỷ lệ 55,53% tổng số đơn nhận được, gồm 209 đơn khiếu nại, 110 đơn tố cáo và 2.819 đơn kiến nghị, phản ánh. Đến nay, đơn thuộc thẩm quyền của các ngành, các cấp đã được giải quyết là 3.065/3.138, chiếm tỷ lệ 97,67% , gồm 199 đơn khiếu nại, 105 đơn tố cáo và 2.761 đơn kiến nghị, phản ánh. Số đơn đang giải quyết là 73/3.138 đơn, gồm 10 đơn khiếu nại, 05 đơn tố cáo và 58 đơn kiến nghị, phản ánh. Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị tập trung kiểm tra, rà soát và giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo kéo dài, phức tạp trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 363/KH-TTCP ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Thanh tra Chính phủ.

**7. Về tăng cường quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, giữ vững ổn định chính trị - xã hội**

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, không để xảy ra biểu tình, bạo loạn, vượt biên đông người. Kịp thời đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực phản động, thù địch; giải quyết tốt các vấn đề phức tạp phát sinh liên quan đến dân tộc, tôn giáo. Khu vực phòng thủ của tỉnh tiếp tục được củng cố và tăng cường về mọi mặt. Công tác xây dựng, củng cố, nâng cao chất lượng chính trị, nghiệp vụ và khả năng sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng vũ trang được chú trọng thực hiện. Chủ trương phát triển kinh tế gắn với quốc phòng an ninh được triển khai khá đồng bộ, hiệu quả. Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án bảo đảm quốc phòng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015-2020, định hướng đến năm 2030; Đề án tổ chức xây dựng, huấn luyện, hoạt động và bảo đảm chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ giai đoạn 2017-2020.

Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm được tăng cường, tập trung triển khai nhiều cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội theo tuyến, địa bàn và theo từng loại đối tượng.

**8. Về nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế**

Hoạt động đối ngoại Đảng, ngoại giao nhà nước, đối ngoại nhân dân phục vụ kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh. Việc quản lý đoàn vào, đoàn ra đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định. Công tác lãnh sự, lễ tân được thực hiện tốt. Quan hệ hợp tác với các tỉnh bạn trong khu vực Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia tiếp tục được củng cố và đạt được những kết quả tích cực. Tăng cường mở rộng và thiết lập quan hệ hợp tác với đối tác các tỉnh Nam Lào, Đông bắc Campuchia, Đông bắc Thái Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Úc, Pháp, Israel. Công tác phối hợp bảo vệ an ninh biên giới, phân giới, cắm mốc tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia, tăng dày, tôn tạo hệ thống mốc quốc giới tuyến biên giới Việt Nam - Làotiếp tục được quan tâm thực hiện([[71]](#footnote-71)).

**9. Về việc chấp hành sự giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh và công tác phối hợp với các cơ quan của Hội đồng nhân dân tỉnh**

- Kịp thời chỉ đạo và thực hiện nghiêm túc các kết luận của Hội đồng nhân dân tại kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh, giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến chất vấn của đại biểu tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh([[72]](#footnote-72)). Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương giải quyết 294/309 kiến nghị của các Đoàn giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân, Thường trực, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đạt tỷ lệ 95%, các kiến nghị còn lại đang được tiếp tục chỉ đạo giải quyết theo quy định. Thông qua các kết luận, kiến nghị qua giám sát, khảo sát, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã kịp thời chỉ đạo khắc phục kịp thời những hạn chế, bất cập trong công tác chỉ đạo, quản lý điều hành phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Ủy ban nhân dân tỉnh luôn giữ mối liên hệ chặt chẽ với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc chuẩn bị nội dung các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh, triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân và kiến nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh. Chủ động phối hợp nâng cao chất lượng các kỳ họp Hội đồng nhân dân, chất lượng các văn bản trình tại kỳ họp, nhất là đối với các dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo được căn cứ theo các quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục theo quy định.

- Trong nhiệm kỳ Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quy chế tiếp nhận, giải quyết và trả lời kiến nghị của cử tri trên địa bàn tỉnh([[73]](#footnote-73)); chỉ đạo xây dựng tổng hợp, cập nhật kịp thời các ý kiến, kiến nghị của cử tri thành cẩm nang phục vụ công tác tiếp xúc cử tri tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương có mặt tại các buổi tiếp xúc để thực hiện trách nhiệm giải trình, giải đáp với cử tri kịp thời, đầy đủ. Hầu hết các ý kiến, kiến nghị của cử tri đều đã được Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, giải quyết và thông tin kịp thời đến cử tri([[74]](#footnote-74))

**10. Về phối hợp công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan tư pháp**

Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chú trọng trong việc phối hợp công tác với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; các tổ chức chính trị và các cơ quan tư pháp trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Đã triển khai quy chế phối hợp giai đoạn 2016-2020 và xây dựng quy chế phối hợp giai đoạn 2021-2025([[75]](#footnote-75)); tổ chức các buổi làm việc với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; lãnh đạo Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân, Hội cựu chiến binh, Tỉnh đoàn để đánh giá kết quả, đề ra kế hoạch phối hợp công tác và giải quyết kịp thời các kiến nghị, tạo điều kiện để các tổ chức này hoạt động có hiệu quả. Phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức đoàn thể trong việc tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng và Pháp luật của Nhà nước, các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; xây dựng và ban hành các chính sách của tỉnh; thực hiện các cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Cả nước chung tay xây dựng nông thôn mới”*; thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội... Động viên các tầng lớp nhân dân tham gia tích cực xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, góp phần phát triển kinh tế của tỉnh.

Đã chú trọng phối hợp công tác với Tòa án nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh trong việc đấu tranh phòng ngừa và chống các loại tội phạm, các vi phạm pháp luật, giữ vững kỷ cương, pháp luậtvà chỉ đạo phối hợp trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến các vụ án, xử lý tố giác, tin báo tội phạm.

**III. NHỮNG HẠN CHẾ, KHUYẾT ĐIỂM; NGUYÊN NHÂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM**

**1. Những hạn chế, khuyết điểm**

- Kinh tế tăng trưởng chưa bền vững, kết cấu hạ tầng còn yếu kém, chưa đồng bộ. Việc huy động nguồn lực để đầu tư phát triển gặp nhiều khó khăn; một số dự án kêu gọi đầu tư chậm triển khai thực hiện và kéo dài. Hiệu quả hoạt động của mạng lưới thương mại nông thôn còn thấp; thương mại biên giới phát triển chưangang tầm với điều kiệncủa tỉnh. Kinh tế tập thể, hợp tác xã phát triển chậm, hiệu quả hoạt động chưa cao, chưa xây dựng được các hợp tác xã kiểu mới, quy mô lớn. Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu có quy mô nhỏ, năng lực cạnh tranh thấp.

- Một số tiềm năng, lợi thế của tỉnh chưa được phát huy đúng mức, nhất là tiềm năng về du lịch và dược liệu. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, việc gắn kết giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm còn hạn chế; sản phẩm có giá trị gia tăng và hàm lượng công nghệ cao còn thấp. Công nghiệp chế biến sâu còn hạn chế, tỷ trọng sản phẩm sơ chế còn cao. Phát triển dịch vụ, du lịch chưa tương xứng với tiềm năng của tỉnh; quy mô, chất lượng một số loại hình dịch vụ chưa cao. Việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ở một số địa phương chưa thực chất nhất là thu nhập của người dân, các tiêu chí đạt chưa bền vững.

- Kết cấu hạ tầng còn thiếu và chưa đồng bộ; môi trường đầu tư chưa thật sự thông thoáng; chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và chỉ số quản trị hành chính công chậm được nâng lên. Công tác quản lý đất đai, trật tự xây dựng còn hạn chế; tình trạng vi phạm Luật Lâm nghiệp còn diễn biến phức tạp.

- Cơ sở hạ tầng giáo dục còn thiếu, vẫn còn phòng học tạm tại một số nơi([[76]](#footnote-76)); chất lượng giáo dục ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số một số nơi chuyển biến chậm. Công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông vàcông tác đào tạo nghề hiệu quả chưa cao, một số sinh viên sau tốt nghiệp khó tìm được việc làm. Chất lượng nguồn nhân lực còn thấp; đào tạo nghề gắn với nhu cầu thị trường còn hạn chế; ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất và đời sống chưa phổ biến.

- Chất lượng nguồn nhân lực và một số dịch vụ y tế tuyến cơ sở chưa đáp ứng được yêu cầu; trang thiết bị y tế một số nơi còn thiếu, chưa đủ tiêu chuẩn, định mức quy định; công tác vệ sinh an toàn thực phẩm có mặt chưa tốt.

- Đời sống văn hóa, nhất là vùng sâu, vùng xa còn nghèo nàn. Hệ thống các thiết chế văn hóa, thể dục thể thao từ tỉnh đến cơ sở chưa đồng bộ, hiệu quả sử dụng thấp. Một số di tích lịch sử, văn hóa chậm được khôi phục, tôn tạo. Phong trào thể dục, thể thao quần chúng chưa đều, chất lượng chưa cao; thể thao thành tích cao phát triển chưa mạnh. Thu hút nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước và xã hội hóa y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao còn khó khăn. Kết quả giảm nghèo chưa thật bền vững; số hộ tái nghèo và phát sinh nghèo mới hằng năm còn cao; khoảng cách chênh lệch về thu nhập, mức sống giữa các vùng chưa được thu hẹp; công tác quản lý nhà nước về báo chí còn hạn chế.

- An ninh chính trị còn tiềm ẩn yếu tố gây mất ổn định. Công tác phối hợp giải quyết tình hình an ninh cơ sở liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo, công tác đấu tranh xóa bỏ tà đạo Hà Mòn có thời điểm còn bị động, lúng túng. Công tác kiểm tra, kiểm soát người, phương tiện ra, vào hoạt động, cư trú ở khu vực biên giới, cửa khẩu có lúc, có nơi chưa chặt chẽ. Tội phạm còn diễn biến phức tạp, nhất là tội phạm về ma túy, tín dụng đen, buôn bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng pháo nổ.

- Việc giải quyết thủ tục hành chính tại một số đơn vị còn chậm trễ. Việc thụ lý giải quyết một số vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn để kéo dài quá thời gian quy định. Vẫn còn một số số vụ việc khiếu nại diễn biến phức tạp, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự.

**2. Nguyên nhân của hạn chế, khuyết điểm**

***a) Nguyên nhân khách quan***

- Kinh tế thế giới và khu vực diễn biến phức tạp; kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn; Chính phủ tiếp tục siết chặt chi tiêu công và thực hiện tái cơ cấu đầu tư, trọng tâm là đầu tư công, nguồn vốn đầu tư bị thu hẹp; dịch bệnh diễn biến phức tạp, Bạch hầu, Sốt xuất huyết, đặc biệt là ảnh hưởng dịch Covid-19, dịch tả lợn Châu phi; tác động của mưu lũ, hạn hán kéo dài, xảy ra trên diện rộng; giá cả thị trường có nhiều biến động bất lợi cho sản xuất.

- Địa bàn rộng và chia cắt, phức tạp; nền kinh tế quy mô nhỏ, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp; chất lượng nguồn nhân lực còn thấp; hạ tầng thấp kém không đồng bộ đã tác động trực tiếp đến thu hút đầu tư từ bên ngoài; một số dự án kêu gọi đầu tư chậm triển khai thực hiện và kéo dài.

- Các thế lực thù địch, phản động luôn âm mưu, lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, để chống phá, gây chia rẽ khối đại đoàn kết các dân tộc.

***b) Nguyên nhân chủ quan***

- Công tác dự báo chưa tốt, có mặt còn thiếu chủ động và chưa sát với diễn biến phức tạp của tình hình. Năng lực lãnh đạo điều hành, vai trò tham mưu, đề xuất của người đứng đầu và cán bộ, công chức ở một số cơ quan**,** đơn vị, địa phương chưa cao**,** nhất là sự trì trệ, thiếu tinh thần trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức nhưng vẫn chưa có biện pháp khắc phục hiệu quả; một vài nơi vẫn còn tình trạng không sát công việc, chất lượng tham mưu, đề xuất thấp, chưa kịp thời; sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ có lúc, có việc chưa tốt.

- Lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, chính quyền có lúc chưa thật sự năng động, quyết liệt; chậm cụ thể hóa để đưa các chủ trương, nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống; chưa chú trọng lãnh đạo, chỉ đạo công tác vận động quần chúng; trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ làm công tác giải quyết thủ tục hành chính, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo còn hạn chế. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra chưa được chú trọng đúng mức.

**3. Bài học kinh nghiệm**

- Phải bám sát chức năng nhiệm vụ, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, tăng cường đoàn kết thống nhất, phát huy vai trò của tập thể Ủy ban nhân dân tỉnh, đề cao trách nhiệm của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh. Đặc biệt chú trọng đánh giá đúng tình hình, nâng cao năng lực dự báo, đề ra mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp và được nhân dân đồng tình ủng hộ. Tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ, toàn diện, có trọng tâm trọng điểm, gắn trước mắt với cơ bản lâu dài và ứng phó kịp thời với diễn biến mới của tình hình. Bám sát thực tiễn, tháo gỡ khó khăn vướng mắc và nhân rộng mô hình tốt, cách làm hay. Đề cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, nhất là người đứng đầu. Lấy kết quả thực hiện để đánh giá tính đúng đắn của chính sách và năng lực quản lý điều hành.

- Nghiên cứu, vận dụng đúng đắn, linh hoạt, sáng tạo các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ phải nhạy bén, sâu sát, nắm chắc tình hình cụ thể của địa phương, xác định rõ lĩnh vực đột phá để tập trung nguồn lực đầu tư, phát triển; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, kịp thời xử lý các khó khăn, vướng mắc và những vấn đề phát sinh ngay từ cơ sở.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, quan tâm giải quyết tốt chính sách an sinh xã hội,chăm lo và nâng cao đời sống mọi mặt của Nhân dân; phát huy tối đa nội lực gắn với huy động mạnh mẽ các nguồn lực từ bên ngoài.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư; lãnh đạo tỉnh phải thực sự vào cuộc, chủ động, trực tiếp làm việc và kêu gọi các doanh nghiệp, nhà đầu tư có tiềm lực, kinh nghiệm đến tìm hiểu và đầu tư trên địa bàn tỉnh. Luôn đồng hành cùng với doanh nghiệp, nhà đầu tư, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trong quá trình phát triển.

- Thực hiện nghiêm Quy chế dân chủ ở cơ sở; phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp trong công tác vận động quần chúng, giám sát và phản biện xã hội. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, tập trung vào những lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tiêu cực, gắn với kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm và khắc phục các khuyết điểm, hạn chế sau kiểm tra, giám sát. Xử lý nghiêm, kịp thời cán bộ, công chức vi phạm pháp luật, thiếu tinh thần trách nhiệm.

**IV. VỀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ:**

**1.** Tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, đầy đủ các ý kiến chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh. Tiếp tục thực hiện tốt công tác chuẩn bị các nội dung trình tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh; triển khai thực hiện nghiêm túc các kết luận, kiến nghị sau giám sát của Hội đồng nhân dân; quan tâm giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri, nhất là những nội dung cử tri kiến nghị nhiều lần, kéo dài qua nhiều năm. Tăng cường công tác phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị xã hội, các cơ quan, tư pháp trong công tác điều, điều hành phát triển kinh tế- xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh.

**2. Về kinh tế**

- Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng tiên tiến, hiện đại, công nghệ xanh, thân thiện với môi trường. Phát triển công nghiệp chế biến; tập trung đầu tư phát triển các loại dược liệu giá trị cao, nhất là Sâm Ngọc Linh. Phấn đấu phát triển vùng dược liệu tỉnh thành vùng dược liệu trọng điểm quốc gia và trở thành trung tâm sản xuất dược liệu lớn của cả nước vào năm 2025; với diện tích Sâm Ngọc Linh khoảng 4.500 ha, các cây dược liệu khác khoảng 10.000 ha. Phấn đấu đến năm 2025, ổn định diện tích trồng sắn toàn tỉnh khoảng 34.100 ha; diện tích cà phê khoảng 25.000 ha; ổn định diện tích cao su khoảng 70.000 ha. Phát triển cây ăn quả ở những nơi có khí hậu, thổ những thích hợp; phấn đấu nâng diện tích cây ăn quả lên khoảng 10.000 ha; nâng cao hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), phấn đấu đến năm 2025 xây dựng được ít nhất 10 sản phẩm tham gia vào chuỗi giá trị các sản phẩm quốc gia. Phát triển chăn nuôi tập trung ứng dụng công nghệ cao, liên kết chuỗi; chăn nuôi đại gia súc (bò, dê) lấy thịt và sữa tại các huyện Sa Thầy, Kon Plông và một số vùng có điều kiện. Thực hiện tốt phương án quản lý rừng bền vững, phấn đấu đến năm 2025 trồng thêm được 15.000 ha rừng.

- Phát triển các ngành công nghiệp có tiềm năng, lợi thế của tỉnh, đẩy nhanh tiến độ đầu tư các công trình trọng điểm đang triển khai trên địa bàn để sớm đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Tập trung đầu tư phát triển công nghiệp, như: Chế biến nông lâm sản, dược liệu; khai thác và chế biến khoáng sản; sản xuất vật liệu xây dựng *(ưu tiên cho sản xuất vật liệu xây dựng không nung)*; phát triển công nghiệp cơ khí phục vụ cho nông nghiệp, nông thôn; rà soát, đánh giá, cân nhắc phát triển các dự án thủy điện, điện gió, điện mặt trời theo đúng quy hoạch gắn với bảo vệ môi trường. Phát triển kinh tế cửa khẩu, các khu, cụm công nghiệp, các làng nghề truyền thống, tạo điều kiện thu hút đầu tư phát triển trên địa bàn nông thôn.

- Phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh, nhất là hạ tầng đô thị, hạ tầng giao thông; xã hội hóa việc phát triển trung tâm thương mại ở vùng thuận lợi, hỗ trợ và khuyến khích đầu tư chợ, cửa hàng ở vùng khó khăn, nơi có điều kiện; phát triển mạnh thương mại điện tử. Chú trọng đầu tư, khai thác có hiệu quả các loại hình du lịch; xây dựng các tour du lịch theo tuyến hành lang Đông - Tây, du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng, khám phá thiên nhiên, du lịch mạo hiểm. Nâng lượng khách du lịch đến tỉnh đạt 2,5 triệu lượt người vào năm 2025.

- Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh. Tăng cường năng lực và đổi mới hoạt động xúc tiến đầu tư. Phát triển lực lượng doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, nâng cao sức cạnh tranh; phấn đấu đến năm 2025 thành lập mới 1.500 doanh nghiệp. Chủ động mở rộng, tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác gắn với thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào tỉnh.

- Thực hiện hiệu quả kế hoạch đầu tư theo quy định tại Luật Đầu tư công. Tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước; phấn đấu đến năm 2025, cơ bản đảm bảo cho chi thường xuyên.

**3. Về văn hóa, xã hội**

- Tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục; làm tốt công tác hướng nghiệp và phân luồng đào tạo từ bậc trung học cơ sở, phấn đấu nâng tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông chuyển sang học nghề lên 40%. Sắp xếp mạng lưới trường lớp gắn với huy động có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo, nhằm xây dựng đạt các mục tiêu trường đạt chuẩn quốc gia. Khuyến khích và tạo điều kiện, phấn đấu đến năm 2025 mỗi huyện có ít nhất 01 trường dân lập, tư thục chất lượng cao. Đẩy mạnh công tác dạy nghề gắn với nhu cầu của thị trường lao động, phù hợp với xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động. Chú trọng xã hội hóa dạy nghề và nhân rộng các mô hình tạo việc làm, hỗ trợ phát triển các làng nghề, doanh nghiệp nhỏ và vừa để thu hút lao động.

- Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh. Tập trung đầu tư nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh lên bệnh viện hạng I (750 giường bệnh); Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi (250 giường bệnh); Bệnh viện huyện Ia H’Drai (60 giường bệnh); Bệnh viện Y học cổ truyền-Phục hồi chức năng (165 giường bệnh); Bệnh viện tâm thần quy mô 100 giường bệnh gắn với đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực y tế, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển các cơ sở y tế ngoài công lập chất lượng cao; nâng cao năng lực và thực hiện tốt công tác y tế dự phòng; tăng cường hợp tác, liên kết khám, chữa bệnh giữa các cơ sở y tế trong tỉnh với các bệnh viện có chất lượng cao trong nước.

- Tiếp tục đầu tư đồng bộ gắn với sử dụng có hiệu quả các thiết chế văn hóa từ tỉnh đến cơ sở; khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số, các di tích lịch sử cách mạng.

- Thực có hiệu quả công tác giảm nghèo đa chiều, bền vững; nhất là vùng đặc biệt khó khăn và vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ dân sinh và phát triển kinh tế - xã hội ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, thu hẹp khoảng cách giữa thành thị và nông thôn. Tiếp tục triển khai đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, chính sách hỗ trợ cho đồng bào dân tộc thiểu số; nhất là hỗ trợ định canh, định cư, đất ở, đất sản xuất, nhà ở. Phấn đấu đến năm 2025, 100% hộ dân tộc thiểu số có đất ở, đất sản xuất; 20% trở lên hộ dân tộc thiểu số tham gia vào hợp tác xã.

- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước; đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên môi trường mạng.

**4. Về tài nguyên, môi trường**

Khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, đảm bảo cân bằng sinh thái, bảo tồn và giữ gìn đa dạng sinh học, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Quản lý việc cấp phép khai thác, sử dụng và kiểm tra, giám sát, quản lý việc khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Ngăn chặn có hiệu quả việc khai thác trái phép, lãng phí các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về quản lý, khai thác tài nguyên, khoáng sản và bảo vệ môi trường.

**5. Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại**

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và thế trận biên phòng toàn dân vững mạnh toàn diện; giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống. Củng cố và phát triển có chiều sâu các mối quan hệ hợp tác đã được thiết lập; triển khai có hiệu quả các hoạt động hội nhập quốc tế; trong đó tiếp tục tăng cường quan hệ, hợp tác toàn diện với các tỉnh giáp biên của Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Vương quốc Campuchia. Nghiên cứu thiết lập quan hệ hợp tác với một số địa phương trong khu vực và thế giới, với các tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế.

Trên đây là Báo cáo tổng kết công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021 và phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2021-2026./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Văn phòng Chính phủ (b/c);  - Bộ Kế hoạch và Đầu tư (b/c);  - Bộ Tư lệnh Quân khu 5 (b/c);  - Thường trực Tỉnh ủy (b/c);  - Thường trực HĐND tỉnh (b/c);  - Uỷ ban MTTQVN tỉnh (b/c);  - Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;  - Đại biểu HĐND tỉnh;  - Các Ban của HĐND tỉnh;  - Các Sở, ban ngành, đơn vị thuộc tỉnh;  - UBND các huyện, thành phố;  - VP UBND tỉnh: CVP, PVP;  - Lưu: VT, KTTH-NMT. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH**  **Đã ký**  **Lê Ngọc Tuấn** |

1. () Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 1619/KH-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2018 Triển khai Đề án `Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật giai đoạn năm 2018-2022` trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 11 tháng 8 năm 2015 ban hành Quy chế phối hợp trong công tác theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Kế hoạch 995/KH-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2016 của UBND tỉnh về cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 635/QĐ-UBND ngày 30 năm 8 năm 2013; Quyết định số [453/QĐ-UBND](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=453/Q%C4%90-UBND&area=2&type=0&match=False&vc=True&org=62&lan=1) ngày 27 tháng 6 năm 2013 của UBND tỉnh về việc ban hành Đề án kiện toàn tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức pháp chế; Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 22/01/2016 của UBND tỉnh về triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 trên địa bàn tỉnh Kon Tum. [↑](#footnote-ref-1)
2. () Trong đó: Về lĩnh vực KTXH, QPAN: 16; về lĩnh vực KTNS: 69; về lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá, thông tin, TDTT: 30; về lĩnh vực KHCN, TNMT: 05; về lĩnh vực quốc phòng, an ninh, TTATXH: 08; về lĩnh vực thực thi pháp luật: 02; về xây dựng chính quyền địa phương và quản lý địa giới hành chính: 20; về các lĩnh vực khác: 31. [↑](#footnote-ref-2)
3. () Năm 2016 ban hành 30 Quyết định; năm 2017 ban hành 62 Quyết định; năm 2018 ban hành 37 Quyết định; năm 2019 ban hành 29 Quyết định; năm 2020 ban hành 45 Quyết định. [↑](#footnote-ref-3)
4. () Thực hiện Quyết định số 242/QĐ-TTg ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Đề án Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức THPL giai đoạn 2018 – 2022”; Quyết định số 1020/QĐ-BTP ngày 8 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tư pháp ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án 242, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 1619/KH-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2018 về việc triển khai Đề án 242 trên địa bàn tỉnh [↑](#footnote-ref-4)
5. () Quyết định số 487/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2019 về việc thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành công THPL trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động năm 2019; Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 7 tháng 10 năm 2020 về việc thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành TDTHTHPL trong lĩnh vực bảo vệ môi trường năm 2020 [↑](#footnote-ref-5)
6. () Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về v ban hành quy chế làm việc của Uỷ ban nhân dân tỉnh Kon Tum [↑](#footnote-ref-6)
7. () Trong đó: Nhóm ngành nông, lâm, thủy sản tăng 5,10%/năm; Nhóm ngành công nghiệp - xây dựng tăng 14,50%/năm; Nhóm ngành Dịch vụ tăng 8,50%. [↑](#footnote-ref-7)
8. () Đường giao thông kết nối từ đường Hồ Chí Minh đi Quốc lộ 24; Đường bao khu dân cư phía Nam thành phố Kon Tum (đoạn từ đường Hồ Chí Minh đến cầu treo Kon KLor); Đường bao khu dân cư phía Bắc Thành phố Kon Tum (đoạn từ đường Trần Phú đến cầu treo Kon Klo); Đầu tư hạ tầng phát triển quỹ đất Khu đô thị phía Nam cầu Đăk Bla, thành phố Kon Tum; Cầu số 01 qua sông Đăk Bla, thành phố Kon Tum; Cầu qua sông Đăk Bla (từ xã Vinh Quang đi phường Nguyên Trãi, TP Kon Tum - Cầu số 3); Đường và cầu từ tỉnh lộ 671 đi Quốc lộ 14; Kè chống sạt lở sông ĐăkBla, đoạn qua làng Plei Đôn và Kon Rờ Bàng TP Kon Tum; Đầu tư hạ tầng Khu du lịch văn hóa, lịch sử Ngục Kon Tum; Dự án khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng Đường bao khu dân cư phía Nam thành phố Kon Tum (đoạn từ Đường Hồ Chí Minh đến cầu treo Kon Klor); Dự án khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng Đường bao Khu dân cư phía Bắc thành phố Kon Tum (đoạn từ Đường Trần Phú đến cầu treo Kon Klor)... [↑](#footnote-ref-8)
9. () Thực hiện thu NSNN trên địa bàn năm 2016: 2.132 tỷ đồng; năm 2017: 2.512 tỷ đồng, tăng 17,8% so với thực hiện năm 2016; năm 2018 thực hiện 2.869 tỷ đồng, tăng 14,22% so thực hiện năm 2017; thực hiện năm 2019: 3.244 tỷ đồng; tăng 13,09% so thực hiện năm 2018; năm 2020 là 3.000 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-9)
10. () Số thực hiện của năm 2015 lần lượt là: bằng 12,25% GDP, đảm bảo 39,4% tổng chi ngân sách và 54% mức chi thường xuyên. [↑](#footnote-ref-10)
11. () Thực hiện chi ngân sách năm 2016: 5.153 tỷ đồng; năm 2017: 6.361 tỷ đồng tăng 23,44% so năm 2016; năm 2018 thực hiện 6.453 tỷ đồng , tăng 1,45% so thực hiện năm 2017; năm 2019 thực hiện 7.553 tỷ đồng tăng 17,05% so thực hiện năm 2018; ước thực hiện năm 2020: 7.842 tỷ đồng tăng 3,84% so thực hiện năm 2019. [↑](#footnote-ref-11)
12. () Từ 137,537 tỷ đồng năm 2015 xuống còn 82,895 tỷ đồng năm 2019. [↑](#footnote-ref-12)
13. () Công ty TNHH MTV Du lịch Kon Tum, Nhà nước sở hữu 97,19% vốn điều lệ; Công ty cổ phần Khai thác và Xây dựng thủy lợi Kon Tum, Nhà nước đang sở hữu 65% vốn điều lệ của Công ty. [↑](#footnote-ref-13)
14. () Công ty TNHH MTV Cấp nước Kon Tum, Nhà nước sở hữu 35% vốn điều lệ; Công ty cổ phần Môi trường đô thị Kon Tum, Nhà nước đang sở hữu 30%vốn điều lệ của Công ty. [↑](#footnote-ref-14)
15. () Hiện nay, tỉnh Kon Tum đang triển khai các thủ tục cổ phần hóa 01 đơn vị sự nghiệp công lập là Trung tâm Đăng kiểm 82.01.S. Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã phê duyệt giá khởi điểm chào bán cổ phần lần đầu, công bố giá trị Trung tâm Đăng kiểm 82.01.S để cổ phần hóa theo quy định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa tại Tờ trình số 21/TTr-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2020. [↑](#footnote-ref-15)
16. () Kế hoạch hành động số 1272/KH-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2016; số 879/KH-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2017 về cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; Kế hoạch số 1706/KH-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2018 triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2018 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh năm 2018 và những năm tiếp theo; Chương trình hành động tại Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 09/04/2019 về ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnhnăm 2019 và những năm tiếp theo;Chương trình hành động tại Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 03/03/2020 ban hành Chương trình hành động về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ,giải pháp chủyếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020. [↑](#footnote-ref-16)
17. () Tập đoàn Vingroup; Tập đoàn TH; Tập đoàn FLC,… [↑](#footnote-ref-17)
18. ()Trong giai đoạn 2016-2020, có 03 tổ chức cam kết tài trợ 27.354 triệu đồng để triển khai 05 dự án đầu tư tại lĩnh vực giáo dục và đào tạo nhằm góp phần nâng cao chất lượng trong công tác dạy và học [↑](#footnote-ref-18)
19. ()Hình thành 07 cánh đồng lớn với 4 loại cây trồng là cà phê, mía, ngô sinh khối, lúa nước tại các huyện theo mô hình liên kết sản xuất, gồm: 01 cánh đồng lớn 30 ha trồng mía ứng dụng công nghệ cao, liên kết với Công ty cổ phần Đường Kon Tum tại xã Ia Chim, thành phố Kon Tum; 01 cánh đồng lớn 30 ha trồng ngô sinh khối chăn nuôi dê sữa, liên kết với Công ty CP dược liệu và thực phẩm Măng Đen tại xã Măng Bút, huyện Kon Plông; 01 cánh đồng lớn 20 ha trồng lúa nước tại xã Hiếu, huyện Kon Plông; 01 cánh đồng lớn 32 ha sản xuất lúa thơm, liên kết Tổ hợp tác tại xã Đăk La, huyện Đăk Hà; 01 cánh đồng lớn 19,1 ha trồng mía, liên kết với Công ty cổ phần Đường Kon Tum tại xã Đăk Trăm, Văn Lem, Ngọk Tụ, huyện Đăk Tô; 02 cánh đồng lớn 407 ha cà phê của 02 Tổ hợp tác tại huyện Đăk Hà, thông qua hỗ trợ từ Dự án phát triển cà phê bền vững (Dự án VnSAT) do Sở Nông nghiệp và PTNT triển khai. [↑](#footnote-ref-19)
20. ()Như: Bí Nhật, bắp sú, cà chua bi, dâu tây, cà rốt, khoai tây, súp lơ, xà lách, cam, bưởi, chanh, bơ, chuối,... [↑](#footnote-ref-20)
21. () Đang hoàn thiện Đề án để thành lập. [↑](#footnote-ref-21)
22. () Đang thực hiện công tác bồ thường giải phóng mặt băng và hoàn chỉnh thủ tục để lựa chọn nhà đầu tư. [↑](#footnote-ref-22)
23. () Năm 2019 đã có 19 sản phẩm OCOP được công nhận đạt hạng ba, bốn sao; đợt 1 năm 2020 đã có 16 sản phẩm OCOP được công nhận đạt hạng ba, bốn sao và 01 sản phẩm có tiềm năng đạt 05 sao; đợt 2 năm 2020 có dự kiến có ít nhất 12 sản phẩm đạt tiêu chí sản phẩm cấp tỉnh, trong đó có 02 sản phẩm tham gia vào chuỗi giá trị sản phẩm quốc gia [↑](#footnote-ref-23)
24. () Đến nay, diện tích cây cao su đã trồng được 76.181,6 ha, tăng 1.405,6 ha so với năm 2015; diện tích cà phê đạt 25.519 ha, tăng 10.254 ha so với năm 2015. [↑](#footnote-ref-24)
25. () Giai đoạn 2016-2020 đã giao 3.557,21 ha rừng, cho thuê 7.461,3 ha rừng, khoán bảo vệ rừng 201.211,7 ha; Trồng 2.928 ha rừng, 227.913 cây phân tán; Khoanh nuôi phục hồi 300 ha rừng tự nhiên, nuôi dưỡng làm giàu 152,8 ha rừng. Có 02 đơn vị được cấp chứng chỉ FSC với quy mô 14.125 ha rừng tự nhiên và 7.344,2 ha rừng trồng. [↑](#footnote-ref-25)
26. () Tổng số vụ vi phạm phát hiện trong giai đoạn: 2.217 vụ; tổng khối lượng gỗ vi phạm: 11.973,63 m3 gỗ tròn, quy tròn các loại; diện tích rừng thiệt hại: 88,017 ha. Tổng số vụ đã xử lý: 2.176 vụ *(Xử lý hành chính và xử lý khác: 2.083 vụ, Khởi tố vụ án: 93 vụ).* [↑](#footnote-ref-26)
27. () Danh sách 28 xãđãđạt chuẩn 19/19 tiêu chí: Xã Đoàn Kết, xã Hòa Bình, xã Ia Chim, xã Đăk Năng, xã Vinh Quang, xã Đăk Cấm - TP. Kon Tum; xã Hà Mòn, Đăk Mar, xã Đăk La, xã Đắk Ngọc - huyệnĐăk Hà; xã Diên Bình, xã Tân Cảnh, xã Kon Đào- huyệnĐăk Tô; xã Sa Sơn, xã Sa Nhơn, xã Xa Nghĩa - huyện Sa Thầy; xãĐăk Nông, xã Đăk Kan, xã Đắk Dục, xã Bờ Y, xã Đắk Xú - huyện Ngọc Hồi; xãĐăk Ruồng, xã Tân Lập, xã Đắk Tờ Lung - huyện Kon Rẫy; xã Đắk Pét, xã Đắk Môn-huyện ĐăkGlei; xã Pờ Ê, xã Măng Cành- huyện Kon PLông. [↑](#footnote-ref-27)
28. () Nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương: Tính đến hết kế hoạch năm 2020, tổng kế hoạch vốn hằng năm đã cân đối, bố trí để thực hiện dự án là 5.776.452 triệu đồng *(trong đó: kế hoạch năm 2016 là 883.324 triệu đồng, kế hoạch năm 2017 là 957.429 triệu đồng, kế hoạch năm 2018 là 961.218 triệu đồng, kế hoạch năm 2019 là 1.216.197 triệu đồng và Kế hoạch năm 2020 là 1.758.285 triệu đồng)*. Nếu không tính nguồn thu tiền sử dụng đất(), thì tỷ lệ phân bổ đạt 86,25% so với kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh giao và đạt 86,93 % so với mức vốn đã phân bổ chi tiết. Ngoài các nguồn vốn thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm địa phương còn thực hiện phân bổ từ các nguồn vốn tăng thu, tiết kiệm chi với tổng mức vốn phân bổ giai đoạn 2016-2020 là 284.384 triệu đồng().

    Nguồn vốn thuộc ngân sách trung ương: Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2016 - 2020 được Trung ương giao cho tỉnh Kon Tum là 6.074.653 triệu đồng *(gồm: vốn trong nước 4.310.735 triệu đồng và vốn nước ngoài 1.763.918 triệu đồng()), trong đó: đã phân bổ chi tiết là 5.793.206 triệu đồng (gồm: vốn trong nước 4.074.786 triệu đồng() và vốn nước ngoài 1.718.420 triệu đồng)* và dự phòng chưa phân bổ là 281.447 triệu đồng. Tính đến hết kế hoạch năm 2020, tổng kế hoạch vốn từ các nguồn vốn ngân sách trung ương đã bố trí là 5.447.814 triệu đồng(), đạt khoảng 89,6% so với kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã được Trung ương giao. Ngoài ra, trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, Trung ương còn bổ sung 622.373 triệu đồng từ các nguồn dự phòng ngân sách Trung ương qua các năm, nguồn vốn Viện trợ không hoàn lại của chính phủ Ai Len và các nguồn hỗ trợ khác. [↑](#footnote-ref-28)
29. () Cung cấp nước tưới cho hơn 2.000ha đất nông nghiệp và nước sinh hoạt cho 35.000 nhân khẩu của thành phố Kon Tum và huyện Kon Rẫy. [↑](#footnote-ref-29)
30. () Năm học 2020-2021, toàn tỉnh có 487 cơ sở giáo dục (136 trường Mầm non; 99 trường Tiểu học; 111 trường THCS và TH-THCS; 28 trường THPT; TT GDNN-GDTX: 9; Cao đẳng: 01; Đại học: 01; Trung tâm HTCĐ:102); giảm 27 cơ sở giáo dục so với năm học 2019-2020. [↑](#footnote-ref-30)
31. () Theo Luật Giáo dục 2005, 100% CBQL đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn (trong đó trên chuẩn chiếm 91,0%), 100% giáo viên cấp THPT, THCS, tiểu học đạt chuẩn trở lên (trong đó THPT có 15,2% trên chuẩn, THCS có 85,2% trên chuẩn, tiểu học 87,01% trên chuẩn), có 99,78% giáo viên mầm non đạt chuẩn trở lên (trong đó có 80,38% trên chuẩn). Cơ bản đạt kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, so với chuẩn mới (Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/ 2019) thì hiện nay 100% giáo viên cấp THPT đạt chuẩn trở lên, 77,05% giáo viên cấp THCS đạt chuẩn trở lên, 63,9% giáo viên tiểu học đạt chuẩn trở lên và 83,76% giáo viên mầm non đạt chuẩn trở lên. [↑](#footnote-ref-31)
32. () Đến cuối năm 2020, toàn tỉnh có 187 trường đạt chuẩn quốc gia, cụ thể: Mầm non: 57 trường, tỷ lệ 40,4% (chỉ tiêu kế hoạch là trên 40%); Tiểu học: 72 trường, tỷ lệ 60,5% (chỉ tiêu kế hoạch là trên 58%); Trung học cơ sở: 45 trường, tỷ lệ 40,5% (chỉ tiêu kế hoạch là trên 40%); Trung học phổ thông: 13 trường, tỷ lệ 46,4% (chỉ tiêu kế hoạch là trên 45%). [↑](#footnote-ref-32)
33. () - Tuyến tỉnh: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật được thành lập và đi vào hoạt động từ 01/01/2018, trên cơ sở hợp nhất 07 đơn vị dự phòng tuyến tỉnh ; được UBND tỉnh xếp hạng đơn vị đạt tiêu chuẩn hạng II và được Bộ Y tế công nhận đạt tiêu chuẩn xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính .

    - Tuyến huyện: Sắp xếp các đơn vị y tế tuyến huyện thành 01 đơn vị duy nhất là Trung tâm Y tế các huyện, thành phố thực hiện đa chức năng *(y tế dự phòng, khám chữa bệnh, dân số - kế hoạch hóa gia đình, vệ sinh an toàn thực phẩm…).*

    - Tuyến xã: Trạm y tế hoặc phòng khám đa khoa khu vực thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, trong đó có y tế dự phòng; 100% cán bộ y tế đã được đào tạo, đào tạo lại thường xuyên (hàng năm), có chuyên môn trong công tác phòng chống dịch bệnh, phòng chống bệnh không lây nhiễm, chăm sóc sức khỏe sinh sản, dinh dưỡng… Ngoài ra, đã xây dựng mạng lưới nhân viên y tế tại các thôn, làng, tổ dân phố hỗ trợ đắc lực trong công tác truyền thông, vận động, cập nhật kịp thời thông tin, kiến thức cho người dân về lĩnh vực y tế dự phòng.

    - Hợp nhất Bệnh viện Y dược cổ truyền và Bệnh viện Phục hồi chức năng để thành lập Bệnh viện Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng, giải thể 11/14 phòng khám đa khoa khu vực và thành lập Cơ sở điều trị tâm thần trực thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật. Bệnh viện Đa khoa tỉnh đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng II và đang phấn đấu lên bệnh viện hạng I trong giai đoạn 2021-2025, Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi đạt tiêu chuẩn hạng II (từ tháng 11/2019), Bệnh viện Y dược cổ truyền – Phục hồi chức năng và Trung tâm Y tế các huyện (có giường bệnh) đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng III. [↑](#footnote-ref-33)
34. () Đến năm 2020, quy mô giường bệnh đạt 40,3 giường bệnh/vạn dân, cao hơn mức bình quân chung cả nước (cả nước trên 27,5 giường) và tăng so với giai đoạn trước (năm 2015 : 28,3 giường bệnh/vạn dân). [↑](#footnote-ref-34)
35. () Theo kết quả tự đánh giá của các bệnh viện về chất lượng bệnh viện cuối năm 2020, điểm cải tiến chất lượng bệnh viện của hầu hết các bệnh viện đều tăng so với năm trước, trong đó: 01 bệnh viện đạt mức chất lượng khá, 10 bệnh viện đạt mức chất lượng trung bình, không có đơn vị đạt mức chất lượng dưới trung bình (năm 2017, có 9 đơn vị đạt trung bình, 02 đơn vị đạt dưới trung bình). [↑](#footnote-ref-35)
36. () Tỷ lệ mắc các bệnh truyền nhiễm gây dịch giảm (năm 2015: 79,8‰, năm 2020 giảm xuống còn 60‰); số mắc các bệnh truyền nhiễm như, quai bị, cúm, tay chân miệng, tiêu chảy, viêm não vi rút… giảm hàng năm; từ năm 2016 đến nay, không ghi nhận các trường hợp mắc các bệnh nguy hiểm như tả, dịch hạch và các bệnh mới nổi khác như SARS, Cúm A H5N1, MERS-CoV, Covid-19; đã loại trừ bệnh phong quy mô cấp tỉnh từ năm 2015 và đang tập trung triển khai tiến tới loại trừ bệnh phong quy mô cấp huyện ; tỷ lệ mắc bệnh lao tính trên 100.000 dân giảm (năm 2015 và 2016: 98, năm 2017: 96, năm 2018: 94, năm 2019: 81, năm 2020: 87); triển khai các hoạt động bảo vệ thành quả thanh toán bệnh bại liệt trên địa bàn tỉnh.

    Hệ thống tiêm chủng được củng cố và nâng cao chất lượng, đảm bảo cung ứng đủ các loại vắc xin trong tiêm chủng và được triển khai thực hiện tại 100% xã, phường, thị trấn; áp dụng và quản lý 100% đối tượng tiêm chủng và lịch sử tiêm chủng của đối tượng tiêm chủng trên Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng Quốc gia. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ hàng năm duy trì ở mức trên 90% (năm 2015: 96,6%, năm 2016: 97,2%, năm 2017: 97,6%; năm 2018: 93%, 2019: 97,6% và 2020: 97,6%); ngoài ra hiện đã và đang triển khai Chiến dịch tiêm vắc xin phòng, chống bệnh bạch hầu cho toàn dân trên địa bàn tỉnh (đã có 3 huyện Sa Thầy, Kon Rẫy và Kon Plông hoàn thành Chiến dịch trên toàn huyện). [↑](#footnote-ref-36)
37. () Thực hiện cắm biển chi dẫn cho các di tích mới được xếp hạng như: Di tích Phân xưởng luyện gang C13 – Quân giới Khu V, di tích lịch sử điểm cao 1015-1049 và một số di tích đã được xếp hạng trước đó như di tích lịch sử Chiến thắng Plei Kần,… [↑](#footnote-ref-37)
38. () Từ năm 2016 đến nay, ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch Kon Tum đã sưu tầm, phục dựng được 8 lễ hội truyền thống nâng tổng số lễ hội truyền thống tiêu biểu được bảo tồn là 33 lễ hội, thực hiện 05 bộ phim tư liệu về văn hóa truyền thống của đồng bào các dân tộc trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, công tác mở lớp truyền dạy về về loại hình nghề thủ công tuyền thống các dân tộc tại chỗ được quan tâm nghiên cứu, triển khai. Nhiều sản phẩm văn hóa đã được sưu tầm, tư liệu hóa và xuất bản 05 đầu sách về văn hóa truyền thống, góp phần tích cực trong công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa tuyền thống trên địa bàn tỉnh. [↑](#footnote-ref-38)
39. ()Đến nay toàn tỉnh có 101.894/131.929 hộ gia đình được công nhận gia đình văn hóa đạt tỷ lệ 77.02%. [↑](#footnote-ref-39)
40. () Tỷ lệ thôn, làng, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa (Khu dân cư) đạt 83%, vượt chỉ tiêu so với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra (70%). [↑](#footnote-ref-40)
41. () Đến nay, tỷ lệ dân số tham gia tập luyện thể dục thể thao thường xuyên 30%; đạt chỉ tiêu so với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra (30%); tổng số hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình thể thao đạt 23%, tăng 3% so với giai đoạn 2011-2015; Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có sân chơi, bãi tập thể thao đạt 98,5%.~~.~~ [↑](#footnote-ref-41)
42. () Từ năm 2016 đến nay bình quân mỗi năm tham gia từ 7 -10 giải thể thao khu vực và toàn quốc đạt 152 huy chương các loại, trong đó có 28 HCV, 54 HCB, 70 HCĐ. Tham gia Đại hội TDTT toàn quốc năm 2018 xếp vị trí 55/65 tỉnh thành ngành trên cả nước; 02 Vận động viên được phong cấp kiện tướng Quốc gia và 32 VĐV được phong cấp I Quốc Gia [↑](#footnote-ref-42)
43. () Hiện nay Kon Tum có hơn 100 vận động viên năng khiếu được huấn luyện tại các cơ sở, phòng tập thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh. Các đội tuyển tập trung thi đấu theo mùa: Đội bóng đá hạng 2 có 25 VĐV tập trung từ 3-4 tháng/năm và đội bóng chuyền A1 có 12 VĐV tập trung từ 1-2 tháng/năm để tập luyện và thi đấu. Trong thời gian tới, tiếp tục chỉ đạo, quan tâm đến việc xây dựng lực lượng vận động viên; Trước mắt tuyển chọn, huấn luyện 24 vận động viên có thành tích tốt chuẩn bị tuyển thể thao thành tích cao của tỉnh, thành lập 04 đội huấn luyện. [↑](#footnote-ref-43)
44. () Đến nay tỉnh Kon Tum có trên 200 cơ sở tư nhân kinh doanh dịch vụ thể dục thể thao gồm: Bida, Thể dục thể hình, Patin, Khiêu vũ thể thao, Erobic, Yoga, Bơi lặn, Karatedo, Taekwondo, Bóng đá, Cầu lông. Các hộ gia đình, doanh nghiệp đầu tư xây dựng xây dựng 30 sân bóng đá cỏ nhân tạo, trị giá từ 300 - 500 triệu đồng/sân; 11 bể bơi các loại và mua sắm các trang thiết bị phục vụ các hoạt động TDTT... Năm 2018, Công ty cổ phần sâm Ngọc Linh Kon Tum tài trợ một phần tiền thưởng các trận thắng, hòa cho Đội bóng hạng nhì của tỉnh Kon Tum với số tiền 280 triệu đồng. [↑](#footnote-ref-44)
45. () Đầu tư hạ tầng Khu du lịch văn hóa, lịch sử ngục Kon Tum; Tôn tạo, phục dựng di tích lịch sử Ngục Kon Tum; Trưng bày bảo tàng ngoài trời.. [↑](#footnote-ref-45)
46. () Điểm du lịch Làng Văn hóa – Du lịch Kon Pring, Điểm du lịch Hồ Đam Bri, Điểm du lịch Thác Pa Sỹ (thôn Kon Pring, thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum); Điểm du lịch sinh thái Êban Farm, Điểm du lịch sinh thái Thiện Mỹ Farm (thôn Kon Tu Rằng, xã Măng Cành, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum (Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 6/2/2020 của UBND tỉnh về việc công nhận các điểm du lịch trên địa bàn huyện Kon Plông); Điểm du lịch Nhà máy Rượu Vang Sim, Công ty TNHH MTV Sim Thiên Sơn thị trấn Măng Đen, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum ( Quyết định số 1014/QĐ-UBND ngày 16/10/2020 của UBND tỉnh); Điểm du lịch A Biu, xã Ngọc Bay, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum (theo Quyết định *số* 536/QĐ-UBND ngày 28/5/2020 của UBND tỉnh); Làng du lịch cộng đồng Kon Trang Long Loi, thôn Kon Trang Long Loi, thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum (Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 11/5/2020 của UBND tỉnh); Làng du lịch cộng đồng Kon Kơ Tu, xã Đăk Rơ Wa, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; Làng du lịch cộng đồng Kon Klor, phường Thắng Lợi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. [↑](#footnote-ref-46)
47. () Quyết định số1425/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 Phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành báo chí, xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm tỉnh Kon Tum đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. [↑](#footnote-ref-47)
48. () Ban hành Kế hoạch số 2300/KH-UBND ngày 22/9/2016 về ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước tỉnh Kon Tum giai đoạn 2016-2020; Các kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh hàng năm. [↑](#footnote-ref-48)
49. () Ban hành Kế hoạch số 1102/KH-UBND ngày 10/5/2019 Kế hoạch triển khai thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử tỉnh giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025; Quyết định 383/QĐ-UBND ngày 22/4/2019 Phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Kon Tum, phiên bản 1.0; Quyết định số 507/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 Phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Kon Tum, phiên bản 2.0; Quyết định số 1202/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 Ban hành Mã định danh của các cơ quan nhà nước tham gia trao đổi văn bản điện tử thông qua hệ thống quản lý văn bản và điều hành trên địa bàn tỉnh Kon Tum…Tổ chức Ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược về Viễn thông - Công nghệ thông tin giai đoạn 2016-2020 (ký ngày 18/10/2016); giai đoạn 2021-2025 (ký ngày 18/9/2020) giữa Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam và UBND tỉnh Kon Tum. [↑](#footnote-ref-49)
50. () Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 10/4/2018 Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan nhà nước tỉnh Kon Tum; Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 21/5/2018 Ban hành Bộ tiêu chí đánh giá công tác cải cách hành chính nhà nước đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh Kon Tum...các quyết định Danh mục thủ tục hành chính thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; nâng cấp mức độ dịch vụ công và bãi bỏ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Kon Tum….Tổ chức ký kết thảo thuận giữa UBND tỉnh Kon Tum và Tổng công ty Bưu Điện Việt Nam về việc phối hợp đẩy mạnh triển khai dịch vụ tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh Kon Tum (ngày 06/01/2020). [↑](#footnote-ref-50)
51. () Kế hoạch số 141/KH-UBND ngày 16/01/2018 Kế hoạch ứng cứu sự cố đảm bảo an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Kế hoạch số 3636/KH-UBND ngày 25/9/2020 Triển khai trung tâm giám sát an toàn thông tin (SOC) theo mô hình 4 lớp của Bộ Thông tin và Truyền thông. [↑](#footnote-ref-51)
52. () - Giai đoạn 2016-2020 thực hiện chi trả trợ cấp hàng tháng cho 28.896 lượt người có công; chi trả trợ cấp một lần và chi trả trợ cấp mai táng phí khi từ trần cho 2.138 người.

    - Từ 2016-2020 đã tổ chức thăm hỏi, động viên và tặng 90.190 suất quà, kinh phí tặng quà là 19.779.357.000 đồng.

    - Hỗ trợ xây mới và sửa chữa 1.210 nhà ở cho người có công(), kinh phí hỗ trợ là 37.920 triệu đồng (trong đó xây mới là 569 nhà, kinh phí hỗ trợ là 22.850 triệu đồng; sửa chữa 641 nhà, kinh phí hỗ trợ là 12.820 triệu đồng).

    - Giai đoạn 2016-2020 đã thực hiện hỗ trợ cải tạo và nâng cấp 15 công trình ghi công liệt sĩ, trong đó 08 Nghĩa trang liệt sĩ, 07 nhà bia tưởng niệm liệt sĩ. Kinh phí thực hiện là 28.075.975.783 đồng

    - Tổ chức điều dưỡng cho 9.101 người, trong đó điều dưỡng tại nhà là 7.364 người, điều dưỡng tập trung tại Trung tâm bảo trợ và công tác xã hội là 773 người, điều dưỡng tập trung ngoài tỉnh là 964 người; Tổ chức cho 153 người có công thăm quan Thủ đô Hà Nội và thăm viếng lăng Bác. [↑](#footnote-ref-52)
53. () Tổng số hộ nghèo toàn tỉnh tính đến cuối năm 2020 là 14.601 hộ, chiếm tỷ lệ 10,29% so với tổng số hộ dân toàn tỉnh. Trong 05 năm, tổng số hộ thoát nghèo là 26.394 hộ. Tổng số hộ nghèo DTTS toàn tỉnh là 13.688 hộ nghèo DTTS, chiếm tỷ lệ 18,75% so với tổng số hộ DTTS toàn tỉnh. Bình quân tỷ lệ hộ nghèo DTTS giảm 5,56%/năm (từ 46,57% vào cuối năm 2015 xuống còn 18,75% vào cuối năm 2020), đạt 137,27% so với mục tiêu Đề án giảm nghèo. Trong 05 năm, tổng số hộ thoát nghèo DTTS là 23.856 hộ. [↑](#footnote-ref-53)
54. () Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch 1490/KH-UBND, ngày 01/5/2020 về triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Sở Lao động-TB&XH đã phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện chi trả cho các đối tượng người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ cận nghèo (nhóm 7) là 112.143 người, kinh phí hỗ trợ là 84.105,25 triệu đồng [↑](#footnote-ref-54)
55. () Về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin. [↑](#footnote-ref-55)
56. () làm chủ 05 quy trình công nghệ ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất, chế biến các loại nông sản, dược liệu trên địa bàn tỉnh

    (1) Quy trình công nghệ sản xuất một số loại nấm ăn, nấm dược liệu (nấm Đông trùng hạ thảo, linh chi, bào ngư,....); (2) Quy trình chiết xuất dược liệu (cao sâm dây, đương quy, dịch chiết sâm Ngọc Linh và ứng dụng để sản xuất các loại hòa tan, trà túi lọc, nước giải khát lên men,...); (3) Quy trình sản xuất chế phẩm sinh học, giá thể hữu cơ; (4) Quy trình công nghệ ương ấp nhân tạo một số giống nước ngọt để phục vụ sản xuất giống (cá chép, cá tầm, cá rô, cá niên,...); (5) Quy trình kỹ thuật nhân giống một số giống cây trồng bằng phương pháp nuôi cấy mô, giâm hom, chiết ghép (lan Kim tuyến, sâm dây, ngũ vị tử, các loại hoa lan, các loại cây ăn quả..). [↑](#footnote-ref-56)
57. () Nhà máy chế biến phân vi sinh, than sinh học Biochar tại Cụm công nghiệp Đăk Mar; Dự án Khu liên hiệp Dịch vụ sản xuất dược liệu và chế biến nông sản của Liên hiệp Hợp tác xã Nông - Công nghiệp Xanh Kon Tum; Dự án đầu tư nhà máy sản xuất than sinh học Biochar và chế biến sâu cà phê tại Cụm công nghiệp Đăk La; Dự án “Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị sản xuất chế phẩm hữu cơ sinh học” tại Công ty TNHH Công nghệ hữu cơ sinh học An Thái; Công ty TNHH Nguyên Huy Hùng đầu tư 4.000 m2 nhà kính; Hợp tác xã Nông nghiệp công bằng Pô Kô đầu tư 1.260 m2 nhà kính; Hợp tác xã Thương mại Sáu Nhung đối ứng 50% kinh phí (khoảng 20.000 ERO) đầu tư 2 nhà kính sấy cà phê với diện tích 117m2; Hợp tác xã tác xã Nông nghiệp công bằng Pô Kô - thị trấn Đăk Hà đầu tư 1.260 m2 nhà kính. [↑](#footnote-ref-57)
58. () HTX rau hoa Măng đen và một số doanh nghiệp trên địa bàn huyện Kon Plông đã ứng dụng trong sản xuất rau hữu cơ đạt tiêu chuẩn an toàn; ứng dụng các chế phẩm trong xử lý môi trường chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản,... [↑](#footnote-ref-58)
59. () Phối hợp với Ban Tôn giáo Chính phủ tổ chức hội nghị trực tuyến để quán triệt, triển khai Luật Tín ngưỡng, tôn giáo cho 640 đại biểu là lãnh đạo chủ chốt, công chức trực tiếp tham mưu quản lý nhà nước về lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo của các sở, ban, ngành, đoàn thể, lực lượng vũ trang, chính quyền các cấp trên địa bàn tỉnh. Sở Nội vụ đã tổ chức 15 hội nghị để tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Luật tín ngưỡng, tôn giáo cho 1733 lượt chức sắc, chức việc, nhà tu hành các tôn giáo trên địa bàn tỉnh; tổ chức 02 lớp bồi dưỡng chuyên sâu cho 110 công chức làm công tác tôn giáo các cấp trên địa bàn tỉnh. [↑](#footnote-ref-59)
60. () Tỉnh Kon Tum hiện không còn cơ sở sản xuất, kinh doanh nằm trong danh sách cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng cần xử lý theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ. Đối tượng thuộc Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 và 807/QĐ-TTg ngày 03/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ còn 02 cơ sở và các cơ sở ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc đối tượng công ích mới phát sinh (sau năm 2013) trên địa bàn tỉnh Kon Tum gồm 04 cơ sở, chủ yếu là các bãi rác trên địa bàn các huyện [↑](#footnote-ref-60)
61. () Trong đó, triển khai xây dựng chính quyền điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết công việc đạt được nhiều kết quả, nhất là việc kết nối vào trục liên thông văn bản quốc gia, gửi nhận văn bản điện tử 4 cấp từ Trung ương đến tỉnh, huyện, xã. [↑](#footnote-ref-61)
62. () Chỉ số PCI của tỉnh (năng lực cạnh tranh cấp tỉnh) năm 2019 tăng 03 bậc so với năm 2018, đứng thứ 56/63 tỉnh, thành trong cả nước và đứng thứ 4 trong khu vực Tây Nguyên, nằm trong nhóm xếp hạng Trung bình. Điểm số PCI tăng từ 60,63 điểm năm 2018 lên 63,54 điểm năm 2019. [↑](#footnote-ref-62)
63. () Kế hoạch số 2039/KH-UBND ngày 9/6/2020 triển khai Nghị quyết 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ và Kế hoạch 123-KH/TU ngày 20-01-2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về một số chủ trương chính sách, chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Quyết định 383/QĐ-UBND ngày 22/4/2019 Phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Kon Tum, phiên bản 1.0; Quyết định số 507/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 Phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Kon Tum, phiên bản 2.0; Kế hoạch số 1129/KH-UBND ngày 7/4/2020 Triển khai thử nghiệm trục kết nối, chia sẻ dữ liệu (LGSP). Kế hoạch số 4294/KH-UBND ngày 16/11/2020 Triển khai hệ thống nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu LGSP tỉnh Kon Tum. [↑](#footnote-ref-63)
64. () huyện Ngọc Hồi, huyện KonPLông, huyện Tu Mơ Rông, huyện Đăk Hà, huyện Đăk Glei, huyện Sa Thầy, huyện IA HD’rai và Tp Kon Tum [↑](#footnote-ref-64)
65. () Giám sát điều hành chỉ tiêu báo cáo, thống kê; Giám sát điều hành chỉ tiêu kinh tế - xã hội; Giám sát hiệu quả hoạt động của chính quyền; Giám sát, điều hành lĩnh vực Y tế; Giám sát, điều hành lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo; Phản ánh hiện trường, phản ánh kiến nghị của người dân. [↑](#footnote-ref-65)
66. () Đối với cấp tỉnh: tiến hành sắp xếp lại các phòng chuyên môn thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời, thành lập mới Trung tâm Phục vụ hành chính công; sắp xếp lại các phòng chuyên môn thuộc Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh. Đối với các cơ quan, đơn vị còn lại, do chưa có hướng dẫn cụ thể của Trung ương nên đang tạm thời dừng sắp xếp. Đối với cấp huyện: Thực hiện thí điểm hợp nhất một số phòng chuyên môn của Ủy ban nhân dân huyện Ia H’Drai với các cơ quan chuyên môn thuộc khối đảng. Đối với tổ chức bên trong thuộc và trực thuộc các cơ quan chuyên môn đầu nhiệm kỳ có 153 đơn vị, tính đến thời điểm 01 tháng 11 năm 2020 có 138 đơn vị giảm 15 đơn vị so với đầu nhiệm kỳ. [↑](#footnote-ref-66)
67. () Sau khi sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập: cấp tỉnh giảm 30 đơn vị và giảm 99 đầu mối bên trong đơn vị sự nghiệp; cấp huyện giảm 50 đơn vị.

    Đối với cấp tỉnh: đã tiến hành sắp xếp các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Y tế; Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; Sở Tài nguyên và Môi trường; Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh. Đối với cấp huyện: đã thành lập 10 Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp các huyện, thành phố trên cơ sở hợp nhất Trạm chăn nuôi và thú y, Trạm trồng trọt và bảo vệ thực vật, Trạm khuyến nông, Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; thành lập 10 Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Du lịch và Truyền thông các huyện, thành phố trên cơ sở hợp nhất Đài Truyền thanh - Truyền hình, Đội Thông tin lưu động, Thư viện, Trung tâm Văn hóa, Nhà văn hóa, Du lịch....; thực hiện tổ chức lại 10 Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các huyện, thành phố trên cơ sở bổ sung nhiệm vụ về phát triển quỹ đất, phát triển cụm công nghiệp; thành lập 04 Trung tâm Môi trường và Dịch vụ đô thị trên cơ sở hợp nhất: Ban quản lý chợ, bến xe, môi trường, Đội dịch vụ công cộng, Đội quản lý trật tự đô thị... gồm các huyện: Đăk Glei, Tu Mơ Rông, Ia H’Drai, Ngọc Hồi. [↑](#footnote-ref-67)
68. () Tính từ năm 2015 đến nay, toàn tỉnh đã giải quyết chính sách tinh giản biên chế 623 trường hợp, trong đó 596 trường hợp thuộc khối hành chính nhà nước (gồm 89 công chức, 436 viên chức, 70 CBCC cấp xã, 01 người thuộc tổ chức Hội); 26 trường hợp thuộc khối Đảng, đoàn thể và 01 trường hợp thuộc khối Doanh nghiệp Nhà nước. [↑](#footnote-ref-68)
69. () Từ năm 2016 đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh đã thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với 589 cán bộ, công chức, viên chức theo quy định. Qua kết quả kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức, đến nay chưa có trường hợp nào cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thẩm tra, xác minh về tài sản, thu nhập của cá nhân. [↑](#footnote-ref-69)
70. () Kết quả thanh tra đã phát hiện sai phạm 76.705.412.948 đồng và 5.984,76 ha đất. Đã kiến nghị thu hồi nộp NSNN 24.229.692.319 đồng, thu hồi về cho đơn vị 2.795.847.262 đồng, thu hồi về BQL dự án giảm nghèo khu vực Tây Nguyên tỉnh Kon Tum 94.159.750 đồng, truy thu thuế 2.285.451.358 đồng và xử lý khác về kinh tế 47.300.262.259 đồng, kiến nghị xử lý 5.939,71 ha đất, xử phạt vi phạm hành chính 6.321.359.471 đồng. Kiến nghị chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra, điều tra làm rõ 07 vụ việc. Bên cạnh đó, kiến nghị tổ chức họp kiểm điểm trách nhiệm để có hình thức xử lý đối với các cá nhân, đơn vị có liên quan đến sai phạm [↑](#footnote-ref-70)
71. () UBND tỉnh, hàng năm ban hành Kế hoạch công tác thông tin đối ngoại. [↑](#footnote-ref-71)
72. () Tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh đã trả lời và chỉ đạo thực hiện79 ý kiến chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh. [↑](#footnote-ref-72)
73. () Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 21/2020/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2020 Ban hành Quy chế tiếp nhận, giải quyết và trả lời kiến nghị của cử tri trên địa bàn tỉnh Kon Tum [↑](#footnote-ref-73)
74. () Trong nhiệm kỳ, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các ngành, địa phương giải quyết, trả lời 957/996 ý kiến, kiến nghị của cử tri, đạt tỷ lệ 96,1%. [↑](#footnote-ref-74)
75. () Quy chế số 4857/QCPH-UBND-UBMTTQVN ngày 31 tháng 12 năm 2020 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Quy chế số 4858/QCPH-UBND-HCCB ngày 31 tháng 12 năm 2020 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với Hội Cựu chiến binh tỉnh; Quy chế số 4859/QCPH-UBND-LĐLĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với Liên đoàn Lao động tỉnh; Quy chế số 4860/QCPH-UBND-HLHPN ngày 31 tháng 12 năm 2020 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Quy chế số 4861/QCPH-UBNDHND ngày 31 tháng 12 năm 2020 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với Hội Nông dân tỉnh; Quy chế số 129/QCPH-UBND-TĐTN ngày 09/8/2018 phối hợp giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với Ban Chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Kon Tum giai đoạn 2018-2022. [↑](#footnote-ref-75)
76. () Nhiều trường học thiếu trang thiết bị dạy học, thiếu phòng học bộ môn, phòng tin học, phòng ngoại ngữ; cơ sở vật chất phục vụ ăn, ở bán trú cho học sinh các trường dân tộc bán trú chưa bảo đảm.a [↑](#footnote-ref-76)